Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9504.30.90

Mã HS	9504.30.90
Mô tả hàng hóa	Các máy và thiết bị trò chơi điện tử video, các trò chơi trên bàn hoặc trong phòng khách, kể cả trò chơi bắn bi (pin-table), bi-a, bàn chuyên dụng dùng cho trò chơi ở sòng bạc và thiết bị chơi bowling tự động, máy giải trí hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, token hoặc bất kỳ phương tiện thanh toán khác / - Máy trò chơi khác, hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, token hoặc các loại tương tự, trừ các thiết bị dùng cho đường chạy bowling tự động: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 04:59:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/95043090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18747
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18747
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18747
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VCFTA	26	26%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18019
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17948
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17948
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17948
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17948
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17948
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17948
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E18004
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18004
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18004
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18004

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18004
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18004
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18005
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18005
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18005
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18005
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18005
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18005
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18010
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17967
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17962
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17962
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17962
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17962
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17962
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17962
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18010
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18010
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18010
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18010
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18010
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18010
VCFTA	2022	2022	32	VC!D18074
VCFTA	2023	2023	32	VC!E18074
VCFTA	2024	2024	26	VC!F18074
VCFTA	2025	2025	26	VC!G18074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	26	VC!H18074
VCFTA	2027	2027	26	VC!I18074
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18048
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18048
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18048
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18048
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18048
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18048
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D18041
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E18041
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F18041
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G18041
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H18041
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18041
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D18071
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18071
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18071
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18071
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18071
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18071
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D18070
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18070
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18070
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18070
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18070
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18070

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18164
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18164
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18164
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18164
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18164
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18164
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18164
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18035
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18035
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18035
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18035
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18035
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18035
RCEP B	2022	2022	0	B!D18035
RCEP B	2023	2023	0	B!E18035
RCEP B	2024	2024	0	B!F18035
RCEP B	2025	2025	0	B!G18035
RCEP B	2026	2026	0	B!H18035
RCEP B	2027	2027	0	B!I18035
RCEP C	2022	2022	0	C!D18033
RCEP C	2023	2023	0	C!E18033
RCEP C	2024	2024	0	C!F18033
RCEP C	2025	2025	0	C!G18033
RCEP C	2026	2026	0	C!H18033
RCEP C	2027	2027	0	C!I18033
RCEP D	2022	2022	0	D!D18032

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18032
RCEP D	2024	2024	0	D!F18032
RCEP D	2025	2025	0	D!G18032
RCEP D	2026	2026	0	D!H18032
RCEP D	2027	2027	0	D!I18032
RCEP E	2022	2022	0	E!D18037
RCEP E	2023	2023	0	E!E18037
RCEP E	2024	2024	0	E!F18037
RCEP E	2025	2025	0	E!G18037
RCEP E	2026	2026	0	E!H18037
RCEP E	2027	2027	0	E!I18037
RCEP F	2022	2022	0	F!D18035
RCEP F	2023	2023	0	F!E18035
RCEP F	2024	2024	0	F!F18035
RCEP F	2025	2025	0	F!G18035
RCEP F	2026	2026	0	F!H18035
RCEP F	2027	2027	0	F!I18035
VIFTA	2024	2024	18	VI!F16909
VIFTA	2025	2025	16	VI!G16909
VIFTA	2026	2026	14	VI!H16909
VIFTA	2027	2027	12	VI!I16909

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VCFTA 26%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9504.30 có 4 dòng thuế; dòng 9504.30.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9504.30.30 Trò chơi may rủi ngẫu nhiên với giải thưởng nhận ngay bằng tiền mặt; các bộ phận và phụ kiện của chúng; 9504.30.40 Máy trò chơi bắn bi (pintables) hoặc các máy trò chơi tự động (có khe nhét xèng hoặc xu) khác; 9504.30.50 Loại khác, bộ phận bằng gỗ, giấy hoặc plastic	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9504.30.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9504.30.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18747), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.